



Waste No More. Webinar # 3 | Câu chuyện thực tế

Điểm nóng GRS/RCS

Waste No More is a initiative by GIZ and its partners, fostering collective action for the closed-loop recycling of pre-consumer waste in the apparel uncoordinated id footwear supply chain, as well as promoting decent work in the waste value chain in Vietnam.

Waste No More Time - Waste No More Resource!



Implemented by



Welcome to Waste No More Webinar #3 | Class 2

GIẢNG VIÊN CHÍNH

PANELIST



Vien Nguyen
Environment Manager
Environment Services
Intertek Vietnam



Duy Dinh
Audit Supervisor
IDFL Vietnam



Huy Ha
Textile Team Manager
Control Union Vietnam



Lina Vo
Regional Manager
RSL & Sustainability Services
Trong Le
Technical Supervisor
Bureau Veritas

GIZ acknowledges the contribution of the four Certification Bodies for Collective Action toward enhancing the implementation of practices to ensure traceability and accuracy of recycled content claims

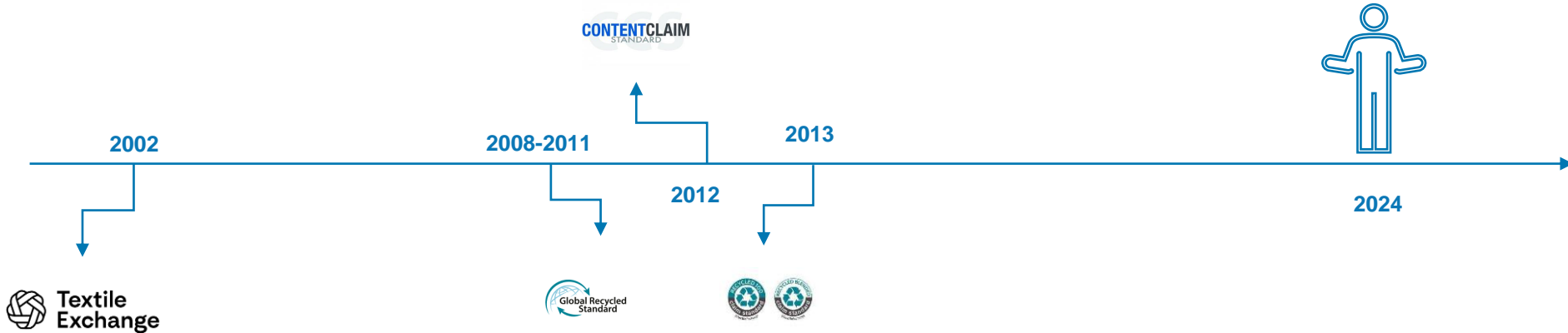
TEXTILE EXCHANGE



Textile Exchange là một tổ chức phi lợi nhuận được thành lập vào năm 2002 hoạt động nhằm tạo ra một ngành dệt may bền vững hơn. Họ làm điều này bằng cách phát triển và thúc đẩy các tiêu chuẩn, công cụ và nguồn lực giúp doanh nghiệp giảm tác động đến môi trường.

TEXTILE EXCHANGE

THỜI GIAN CÁC TIÊU CHUẨN RA ĐỜI



TEXTILE EXCHANGE





Ra đời phát triển

Phát triển bởi Textile Exchange với sự hợp tác của Outdoor Industry Association's Sustainability Working Group's Materials Traceability Task Force vào năm 2013

Phát triển bởi Control Union năm 2008, sau đó quyền sở hữu được chuyển cho Textile Exchange năm 2011.

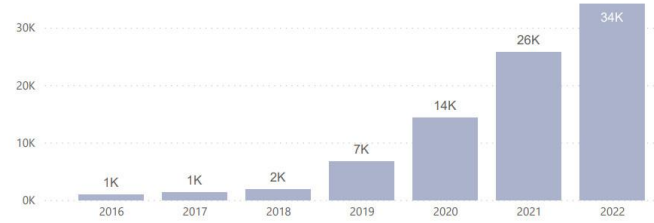
Tuyên Bó

5%  Tỷ lệ tái chế

20%  Tỷ lệ tái chế

TEXTILE EXCHANGE

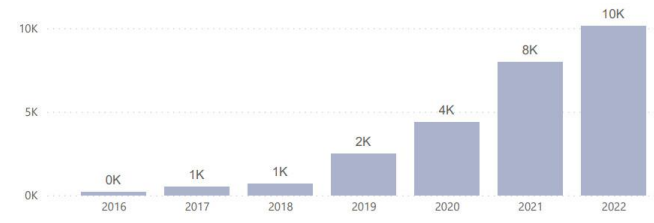
GRS: Number of certified sites



Source: Textile Exchange



RCS: Number of certified sites

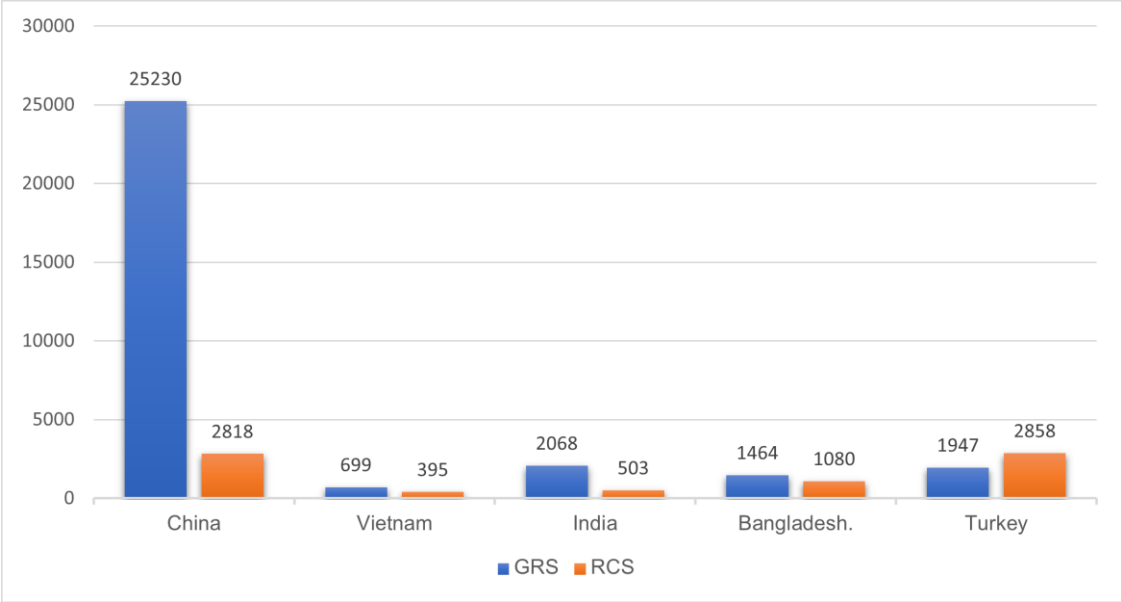


Source: Textile Exchange

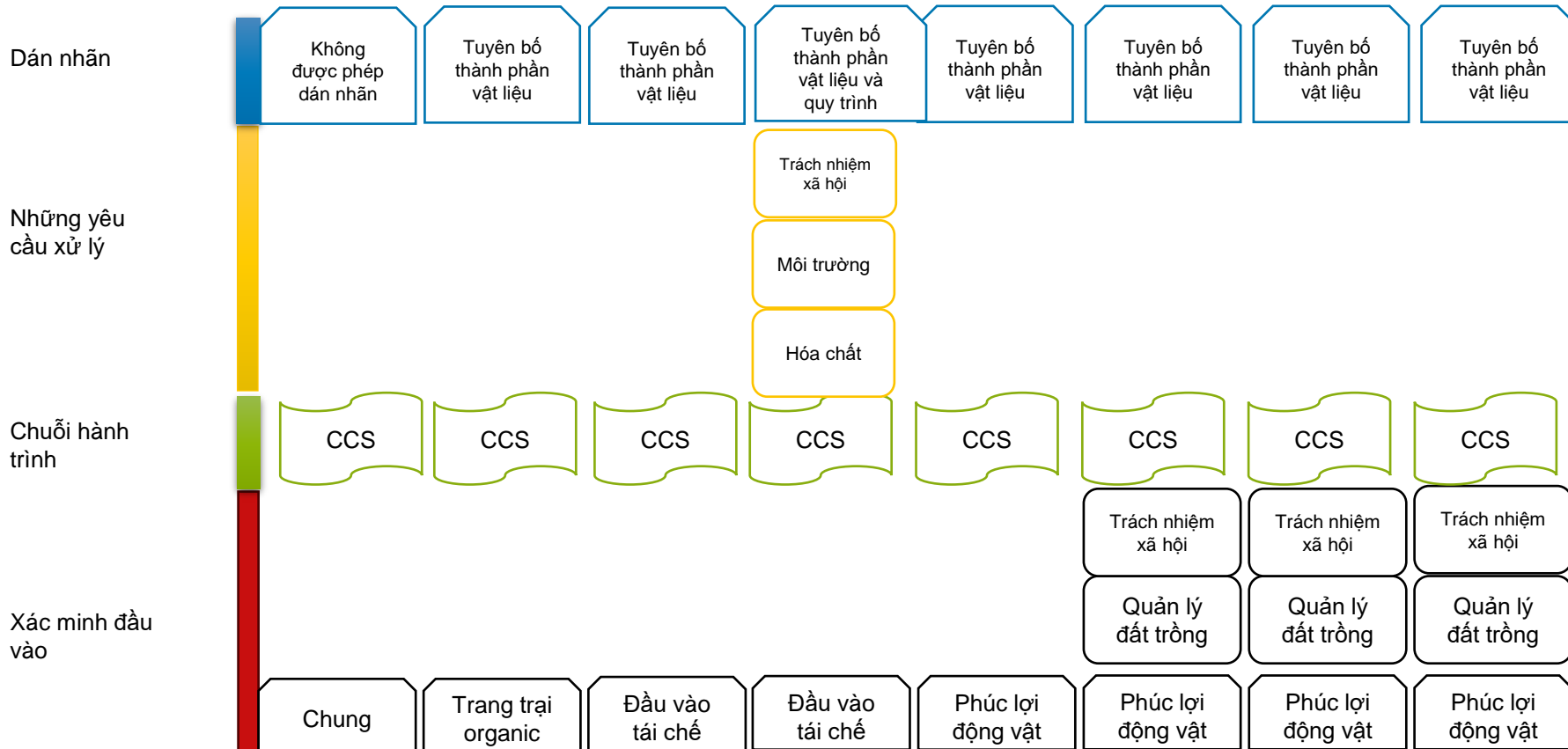


Source: Textile-Exchange_PFMR_2023

TEXTILE EXCHANGE



Source <https://textileexchange.org/find-certified-company>



TEXTILE EXCHANGE



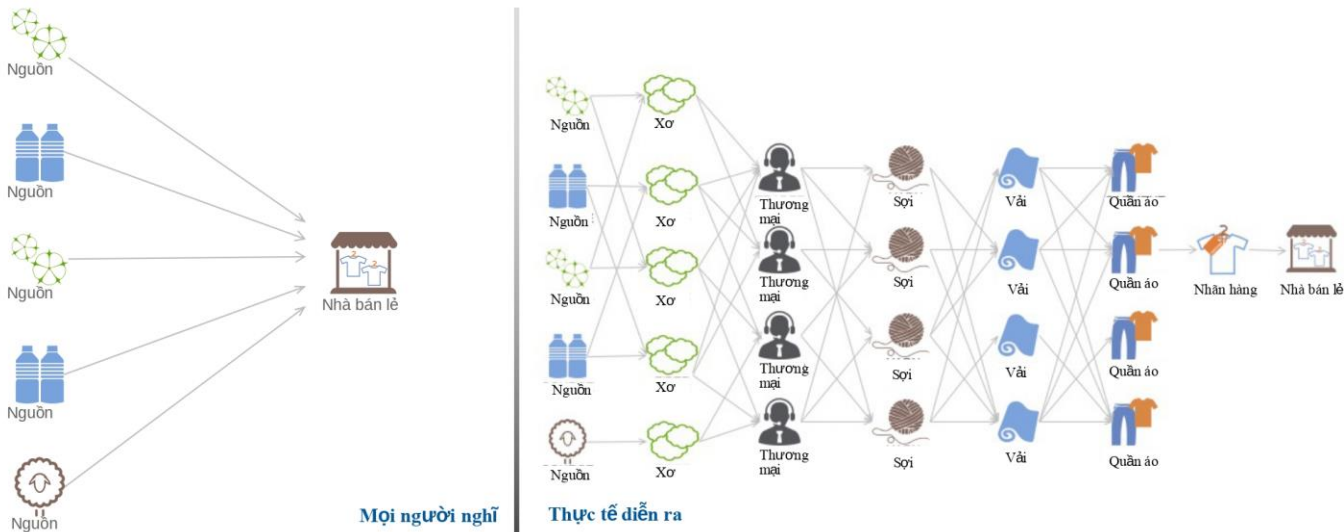
Chuỗi Hành Trình Sản Phẩm



TEXTILE EXCHANGE



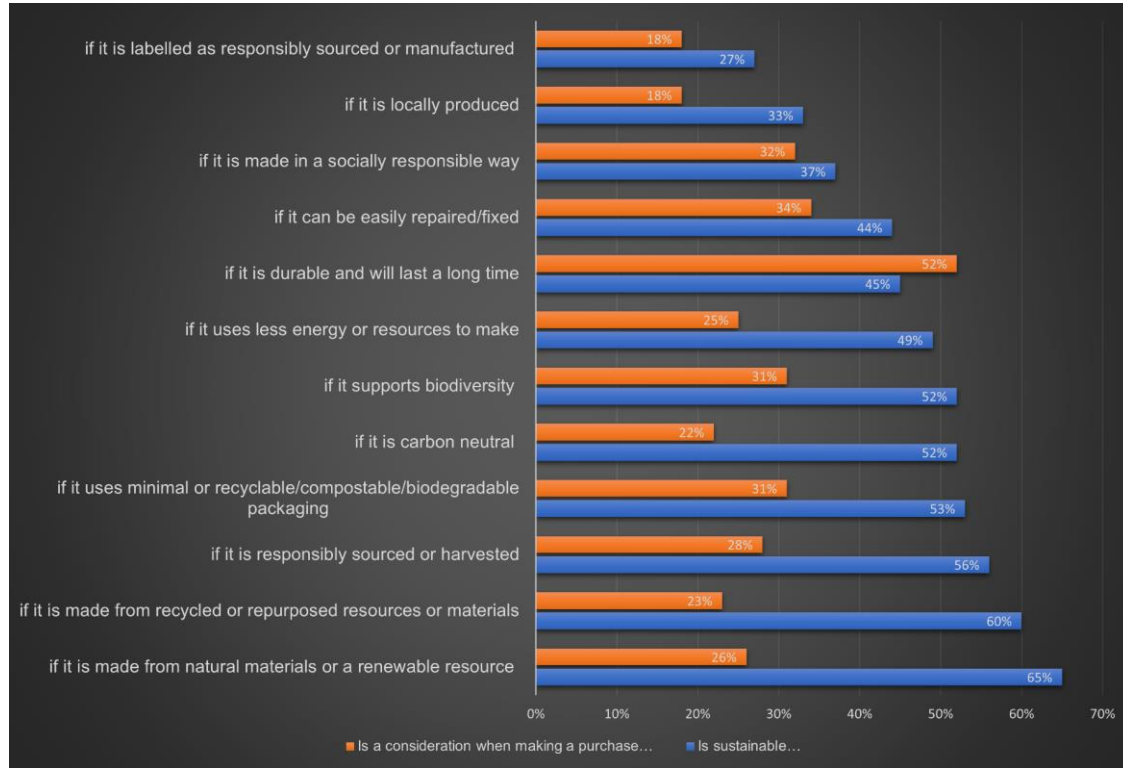
Thách Thức: Quản Lý Sự Phức Tạp



Mọi người nghĩ

Thực tế diễn ra

TEXTILE EXCHANGE – ADD VALUE



Sản xuất bao bì và sản phẩm bền vững

Giảm chất thải trong quá trình sản xuất

Cam kết thực hành đạo đức làm việc

Giảm lượng khí thải carbon

Tôn trọng nhân quyền

TEXTILE EXCHANGE – ADD VALUE

Môi trường

Giảm thiểu
ô nhiễm
môi trường



Kinh tế / Xã hội

Tạo thêm
công ăn
việc làm



Thúc đẩy
phát triển
nền kinh tế

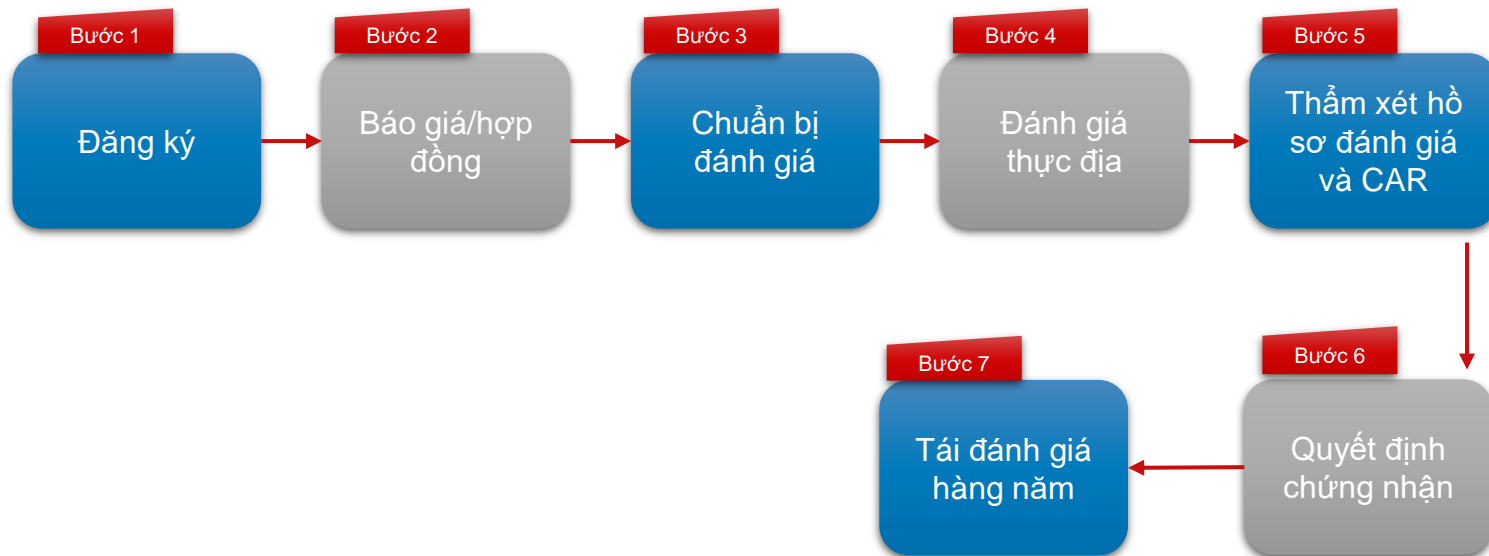


Người tiêu dùng

Tính minh
bạch và
xác minh



PREPARATION FOR AN AUDIT



Các quy trình chứng nhận bắt buộc trong GRS/RCS

PREPARATION FOR AN AUDIT

PHẦN A. HỒ SƠ CHUNG / GENERAL DOCUMENTS	
A01. Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có)	Investment Registration Certificate (if any)
A02. Giấy chứng nhận kinh doanh	Business License
A03. Sơ đồ dòng chảy sản xuất	Production flow chart
A04. Đánh giá rủi ro về lây nhiễm hoặc trao đổi sản phẩm	Risk assessment for contamination or commingling
A05. Sơ đồ tổ chức	Organization chart
A06. Quyết định bổ nhiệm người phụ trách về GRS	Appointment letter for Responsible Person of GRS
A07. Sổ tay chất lượng, nếu có	Quality manual, if any
A08. Các thủ tục hoặc quy định sản xuất chi tiết	Production procedures

Các quy trình chứng nhận bắt buộc trong GRS/RCS

PREPARATION FOR AN AUDIT

HỒ SƠ SẢN XUẤT / PRODUCTION RECORDS

A25. Danh sách đơn hàng đã sản xuất trong 12 tháng gần nhất (năm 2 chỉ đánh giá đơn GRS)
List of shipped orders in last 12 months (for 2nd year, certified orders shall be review)

A26. Chỉ đánh giá với hàng GRS từ năm thứ hai
GRS products will be audited from 2nd year

A27. Tài liệu kỹ thuật của đơn hàng sẽ được lựa chọn để đánh giá
Technical records and documents for sample orders

A28. Bill of Materials (BOM)
Định mức vật tư

A29. Material consumption, if different from A28
Định mức tiêu hao thực tế, nếu khác với A28

A30. Hồ sơ mua nguyên liệu (INV, PL, BoL/ AwB, TCs)
Purchasing documents (INV, PL, BoL/Awb, TCs)

A31. Hồ sơ nhập liệu
Material import note

A32. Hồ sơ kiểm tra nguyên vật liệu đầu vào
Incoming material inspection report

Các quy trình chứng nhận bắt buộc trong GRS/RCS

PREPARATION FOR AN AUDIT

PHẦN B. HỒ SƠ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI / SOCIAL RESPONSIBILITY RECORDS
B1. HỒ SƠ PHÁP LÝ / LEGAL DOCUMENTS
B1.1. Nội quy lao động; và Nguyên tắc ứng xử, nếu có Internal Labor Regulations; and Code of Ethics., if any
B1.2. Thang bảng lương Wage scale
B2. CÔNG ĐOÀN / UNION
B2.1. Thỏa ước lao động tập thể và Chính sách tự do hiệp hội Collective Bargaining Agreement and Freedom of Association Policy
B2.2. Quyết định thành lập Công đoàn The decision to establish a trade union
B2.3. Biên bản họp "Đối thoại tại nơi làm việc" Minutes of the meeting "Dialogue at workplace"
B2.4. Biên bản họp hội nghị người lao động Minutes of meeting of employees' conference
B2.5. Quy trình giải quyết khiếu nại - khiếu kiện và hồ sơ khiếu nại 12 tháng gần nhất Process and records of handling complaints and grievance in last 12 months

Các quy trình chứng nhận bắt buộc trong GRS/RCS

PREPARATION FOR AN AUDIT

PHẦN C. CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN / ENVIRONMENT AND SAFETY ISSUES	
C01. Chính sách môi trường hoặc chứng nhận tương ứng (ISO 14001/ EMAS/ Higg FEM)	Environmental Policy or equivalent certificate (ISO 14001/ EMAS/ Higg FEM)
C02. Mục tiêu môi trường	Environmental target or objective
C03. Kế hoạch thực hiện mục tiêu môi trường	Environmental protection implementation plan
C04. Sổ tay môi trường (nếu có)	Environmental handbook (if any)
C05. Sơ đồ tổ chức Hệ thống quản lý môi trường	Organization chart Environmental management system
C06. Báo cáo sản lượng sản xuất hàng tháng	Monthly production output report
C07. Quy trình quản lý và báo cáo tiêu thụ trên mỗi kgs sản phẩm	<ol style="list-style-type: none">1. Năng lượng (điện, gas, dầu, than, hơi, etc)2. Nước3. Nước thải4. Khí thải5. Rác thải6. Hóa chất

PREPARATION FOR AN AUDIT

PHẦN D. HOÁ CHẤT / CHEMICAL USE	
D1. Quy trình thu mua hóa chất	Procedure of Chemical purchasing
D2. Quy trình đánh giá hóa chất theo GRS / GOTS	Chemical evaluation process according to GRS/ GOTS
D3. Bảng tổng hợp hóa chất sử dụng trong công ty (CIL)	Chemical Inventory List (CIL)
D4. Chứng nhận theo ZDHC của hoá chất trong bảng tổng hợp CIL (không tính hoá chất bảo trì)	Certification against ZDHC of chemicals listed in CIL (excluding maintenance chemicals)
D5. MSDS đi kèm của các loại hóa chất	Attached MSDS of chemicals
D6. Công thức phối hoá chất (tương ứng với các đơn hàng chọn đánh giá ở Mục A)	Chemical Recipe for specific orders (in accordance with orders in Section A)
D7. Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn của hóa chất từng tuần/ tháng	Summary table of import - export - inventory of chemicals by week/month
D8. Thủ tục ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất	Procedures of chemical spills response

Các quy trình chứng nhận bắt buộc trong GRS/RCS

CONTENT CLAIM STANDARD



TE-ID REGISTRATION

Đăng ký mã định danh TE-ID:

TE-ID là gì?

TE-ID là mã định danh duy nhất cho một cơ sở trong cơ sở dữ liệu của Textile Exchange. Nó được chỉ định cho mọi cơ sở và vẫn nhất quán ngay cả khi tổ chức chứng nhận có thay đổi. Nó không cho biết trạng thái chứng nhận mà chỉ được xác nhận bằng chứng nhận phạm vi hợp lệ.

Ai cần đăng ký?

Tất cả các tổ chức muốn được chứng nhận, chứng nhận lại hoặc muốn bổ sung/cập nhật cơ sở vào chứng nhận phạm vi hợp lệ phải đăng ký với Textile Exchange. Mỗi tổ chức phải tự đăng ký và tất cả các cơ sở mà tổ chức đó phụ trách theo phạm vi chứng nhận. Điều này áp dụng ngay cả khi tổ chức của quý khách hoạt động như một cơ sở theo chứng nhận phạm vi khác. Nếu tổ chức của quý khách có nhiều chứng nhận phạm vi, quý khách chỉ cần đăng ký một lần và bao gồm tất cả các cơ sở liên quan từ các chứng nhận đó vào một lần đăng ký.



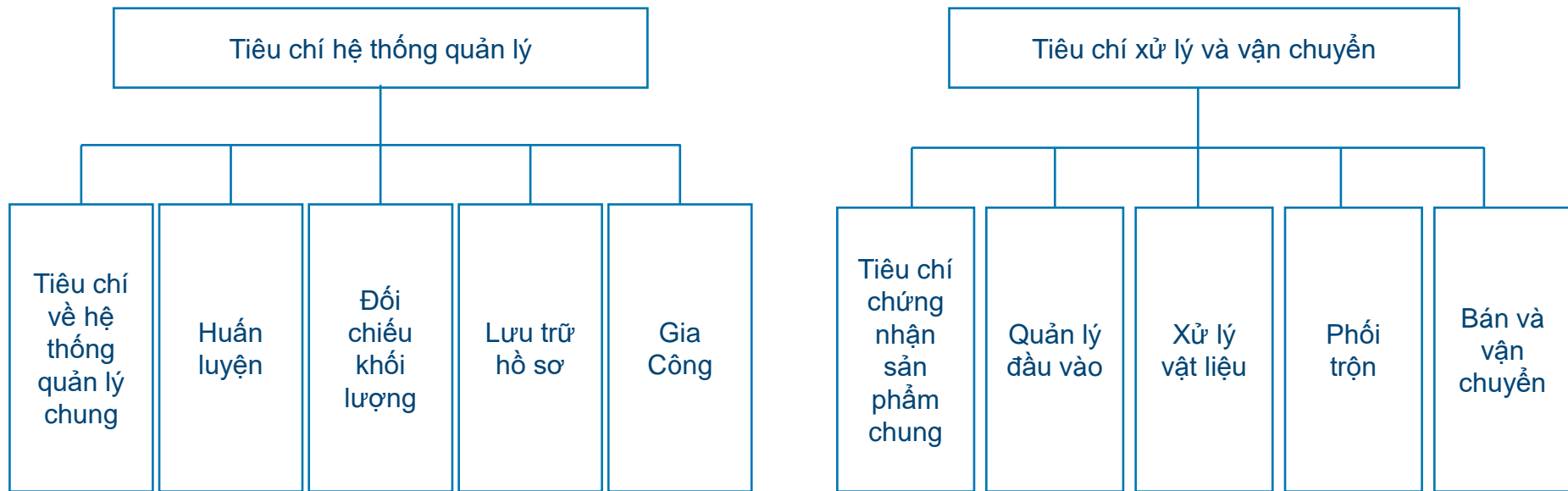
CONTENT CLAIM STANDARD



Mục tiêu của CCS là đảm bảo tính chính xác của các tuyên bố về vật liệu/sản phẩm, duy trì tính toàn vẹn của các thuộc tính của vật liệu được tuyên bố, từ nguồn đầu vào ban đầu đến sản phẩm cuối cùng. Tiêu chuẩn giúp theo dõi nguyên liệu đầu vào được xác minh xuyên suốt chuỗi cung ứng và áp dụng cho mọi sản phẩm, thuộc mọi ngành. Tiêu chuẩn Tuyên Bố Thành Phần (CCS) cung cấp:

- Nền tảng chuỗi giám sát (Chain of Custody) cho tất cả các tiêu chuẩn của Textile Exchange;
- Công cụ cho các ngành công nghiệp để xây dựng lòng tin với người tiêu dùng về các tuyên bố về thành phần sản phẩm; và
- Công cụ cho các công ty để xác minh các tuyên bố về thành phần sản phẩm giữa các doanh nghiệp.

CONTENT CLAIM STANDARD



CONTENT CLAIM STANDARD

HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Mục tiêu mong đợi:

1. Tổ chức cần triển khai các hoạt động quản lý và hồ sơ đầy đủ để đảm bảo tính toàn vẹn của vật liệu tuyên bố được duy trì trên toàn bộ tổ chức. Điều này giúp đảm bảo việc đánh giá có thể được tiến hành hiệu quả, chuỗi giám sát có thể được minh chứng và hệ thống luôn đáp ứng được các mục tiêu của CCS một cách đáng tin cậy.



CONTENT CLAIM STANDARD

HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Mục tiêu mong đợi:

1. Tổ chức cần triển khai các hoạt động quản lý và hồ sơ đầy đủ để đảm bảo tính toàn vẹn của vật liệu tuyên bố được duy trì trên toàn bộ tổ chức. Điều này giúp đảm bảo việc đánh giá có thể được tiến hành hiệu quả, chuỗi giám sát có thể được minh chứng và hệ thống luôn đáp ứng được các mục tiêu của CCS một cách đáng tin cậy.

Tổ chức cần vận hành một hệ thống quản lý đảm bảo tất cả các tiêu chí áp dụng của Tiêu chuẩn được triển khai đầy đủ.

(Hệ thống quản lý theo yêu cầu của CCS có thể được tích hợp vào hệ thống quản lý chất lượng hiện có, chẳng hạn như hệ thống dựa trên tiêu chuẩn ISO 9001).

Hướng dẫn:

Đảm bảo tất cả các yêu cầu (tiêu chí) của tiêu chuẩn CCS được thực hiện một cách toàn diện trong toàn bộ tổ chức liên quan đến làm hàng tuyên bố.

Tài liệu hồ sơ:

- Sổ tay quản lý chất lượng.
- Chứng nhận ISO 9001 còn hiệu lực.

CONTENT CLAIM STANDARD

HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Mục tiêu mong đợi:

2. Tổ chức cần **xây dựng, thực hiện** và **duy trì** các quy trình được ghi chép và/hoặc hướng dẫn làm việc bao gồm tất cả các tiêu chí áp dụng của CCS.

	CÔNG TY TNHH	Mã hóa: Ban hành lần: Hiệu lực từ ngày: Trang/tổng số trang: 1
	QUY TRÌNH MUA HÀNG	

I. Mục đích và phạm vi áp dụng

I.1. Mục đích

.....

I.2. Phạm vi áp dụng

.....

II. Tài liệu liên quan

.....



III. Thuật ngữ và từ viết tắt

.....

IV. Quyền hạn và trách nhiệm

.....

V. NỘI DUNG

CONTENT CLAIM STANDARD

HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Mục tiêu mong đợi:

2. Tổ chức cần **xây dựng, thực hiện** và **duy trì** các quy trình được ghi chép và/hoặc hướng dẫn làm việc bao gồm tất cả các tiêu chí áp dụng của CCS.

Hướng dẫn:

- Xây dựng: các tài liệu về quy trình và hướng dẫn công việc của các bộ phận liên quan đến sản xuất hàng tuyên bố.
- Thực hiện: Điều này có nghĩa là đưa các hướng dẫn vào thực tế trong tổ chức của bạn. Nhân viên tham gia vào các hoạt động liên quan đến tiêu chí CCS phải được đào tạo về các hướng dẫn và tuân theo chúng khi thực hiện công việc của mình.
- Duy trì: Các hướng dẫn phải được cập nhật. Điều này có nghĩa là phải sửa đổi chúng nếu tiêu chuẩn CCS thay đổi hoặc nếu các quy trình của tổ chức của bạn thay đổi theo cách ảnh hưởng đến cách bạn đáp ứng các tiêu chí.

Tài liệu hồ sơ:

- Hướng dẫn công việc (các bộ phận liên quan).
- Chính sách mua bán, lưu trữ, truy xuất....

CONTENT CLAIM STANDARD

HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Mục tiêu mong đợi:

4. Tổ chức phải tiến hành quá trình thanh tra nội bộ thường xuyên (ít nhất là hàng năm) để đánh giá sự phù hợp của tổ chức với CCS. Việc kiểm tra nội bộ phải được ghi lại cùng với các điểm không phù hợp được xác định.

Hướng dẫn:

- Trong hầu hết các trường hợp, việc kiểm tra nội bộ có thể được thực hiện bởi đại diện lãnh đạo có tên trong hồ sơ bổ nhiệm. Tổ chức nên sử dụng danh sách kiểm tra với các tiêu chí CCS hiện hành để xác định sự phù hợp trong quá trình đánh giá nội bộ. Cần đặc biệt chú ý đến việc theo dõi và xử lý vật liệu cũng như đối chiếu khối lượng.

Hồ sơ:

- Quy trình đánh giá nội bộ
- Hồ sơ đánh giá nội bộ
- Checklist



CONTENT CLAIM STANDARD

HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Mục tiêu mong đợi:

5. Nhân viên chịu trách nhiệm về từng quy trình bị ảnh hưởng bởi Tiêu chuẩn phải được đào tạo phù hợp và thường xuyên về việc thực hiện Tiêu chuẩn và hồ sơ đào tạo phải được lưu giữ.

Hướng dẫn:

Tất cả nhân viên xử lý vật liệu được tuyên bố hoặc chịu trách nhiệm đáp ứng các tiêu chí CCS cần tối thiểu phải biết về tiêu chuẩn và việc tổ chức được chứng nhận/đang nộp đơn xin chứng nhận.

Hồ sơ:

- Hồ sơ đào tạo bao gồm thông tin:
- Người đào tạo.
- Ngày đào tạo,
- Những người tham gia đào tạo.
- Hình ảnh.
- Tài Liệu



CONTENT CLAIM STANDARD

HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Mục tiêu mong đợi:

8. Tổ chức phải duy trì các hồ sơ đầy đủ, cập nhật, dễ kiểm tra và dễ hiểu để chứng minh sự phù hợp với tất cả các tiêu chí của CCS. Tất cả các hồ sơ được sử dụng trong việc triển khai và/hoặc xác minh CCS

Gợi ý:

Hồ sơ có thể lưu trữ bản mềm



CONTENT CLAIM STANDARD – Validation

HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Mục tiêu mong đợi:

9. Tổ chức phải có chứng chỉ phạm vi hợp lệ bất cứ khi nào vật liệu tuyên bố được dán nhãn với các tuyên bố được đảm bảo, được vận chuyển hoặc bán. Việc phối trộn và xử lý có thể xảy ra trong thời gian đánh giá và thời điểm chứng chỉ phạm vi được cấp cùng với sự chấp thuận trước của cơ quan chứng nhận. Nếu không, vật liệu sẽ không được coi là đã được chứng nhận.



Hồ sơ: giấy chứng nhận phạm vi có hiệu lực tại thời điểm sản xuất đơn hàng.

CONTENT CLAIM STANDARD – Subcontracting

Định nghĩa:

Associated subcontractor:

Nhà thầu phụ không được chứng nhận độc lập với cơ quan tổ chức ký hợp đồng và thay vào đó được đánh giá như một phần của cuộc đánh giá của tổ chức ký hợp đồng.

Independently certified subcontractor:

Nhà thầu phụ có chứng chỉ riêng của mình để Tiêu chuẩn, độc lập với bất kỳ tổ chức ký hợp đồng nào.

Hồ sơ yêu cầu và chuẩn bị:

- Hợp đồng gia công
- Chứng nhận phạm vi còn hiệu lực của đơn vị gia công đã có chứng nhận độc lập.
- Hồ sơ đơn hàng, vận chuyển tới đơn vị gia công.

CONTENT CLAIM STANDARD – Subcontracting

Gia công:

Áp dụng cho tất cả các tổ chức đang thuê bên ngoài thực hiện các hoạt động liên quan đến sản phẩm của mình. Điều này bao gồm tất cả các giai đoạn sản xuất, từ xử lý nguyên liệu đến sản xuất thành phẩm.

Trường hợp Ngoại lệ - Lưu trữ Sản phẩm Hoàn thành:

- Việc thuê một bên thứ ba chỉ để lưu trữ sản phẩm cuối cùng **không được coi là gia công**.
- Điều này áp dụng ngay cả khi tổ chức ký hợp đồng là một thương hiệu (brand).
- Nói cách khác, việc thuê kho bãi lưu trữ sản phẩm đã hoàn thành **không thuộc phạm vi** của yêu cầu về gia công trong CCS.

Phân phối Bên Thứ Ba (3PL):

- Điều khoản về gia công **không áp dụng** cho các nhà phân phối logistic bên thứ ba.

CONTENT CLAIM STANDARD – VOLUME RECONCILIATION

Kết quả mong muốn: Tổ chức không bán nhiều sản phẩm được chứng nhận hơn mức họ có thể sản xuất dựa trên đầu vào CCS sẵn có của họ.

Tổ chức cần duy trì một hệ thống kiểm soát và định lượng khối lượng vật liệu đầu vào và đầu ra được tuyên bố mọi lúc

Xây dựng các biểu mẫu công thức/phương trình tính toán cân bằng khối lượng

Duy trì tính toán cân bằng khối lượng dựa theo công thức chung.

Đầu vào – Hao hụt = Đầu ra

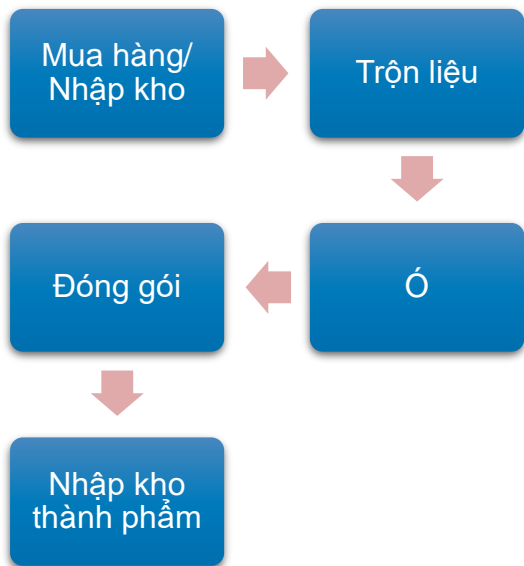
Đơn vị tính toán phải là đơn vị khối lượng

Duy trì lưu trữ hồ sơ sơ đầy đủ về mô tả sản phẩm, định lượng, nguồn gốc, hồ mua bán, vận chuyển, TC đầu vào.

CONTENT CLAIM STANDARD – VOLUME RECONCILIATION

Kết quả mong muốn:

Tổ chức không bán nhiều sản phẩm được chứng nhận hơn mức họ có thể sản xuất dựa trên đầu vào CCS sẵn có của họ.



# PO	Ngày sản xuất	Tên liệu	Nhà cung cấp	Đầu vào	Trộn liệu	Ó	Đóng gói	Đầu ra	Hao Hụt
1234	01 01 2024	Phế Polyamide + Màu	ABC company	100kg	100kg	95 kg	95 kg	95 kg	5 %

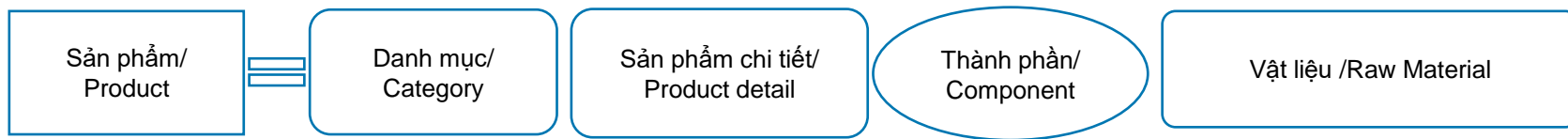
Ví dụ tính toán khối lượng

Hồ sơ lưu trữ.

1. Danh sách đơn hàng tuyên bố 12 tháng gần nhất.
2. Tài liệu kỹ thuật.
3. Hồ sơ sản xuất
4. Bảng cân đối khối lượng.
5. Hợp đồng, invoice, packing list đầu vào/đầu ra...

CONTENT CLAIM STANDARD – VOLUME RECONCILIATION

Để xác định thành phẩm, chúng ta cần biết nguyên tác ghi sản phẩm của Textile Exchange



Ví dụ/ Ex: Footwear| Shoes | (Shoes upper) Recycled pre-consumer Polyester + Recycled pre-consumer Polyurethane

Products Appendix







Product Category	Product Details	Material Composition*	Standard (Label Grade)	Facility Number
Dyed Fabrics (PC0025)	Woven Fabrics (PD0059)	Recycled Post-Consumer Polyester (RM0189) + Polyester (RM0186)	GRS (GRS) GRS (No label)	
Dyed Fabrics (PC0025)	Knitted Fabrics (PD0058)	Recycled Pre-Consumer Polyester (RM0188) + Polyester (RM0186)	GRS (GRS) GRS (No label)	
Dyed Fabrics (PC0025)	Knitted Fabrics (PD0058)	Recycled Post-Consumer Polyester (RM0189) + Polyester (RM0186)	GRS (GRS) GRS (No label)	
Dyed Fabrics (PC0025)	Woven Fabrics (PD0059)	Recycled Pre-Consumer Polyester (RM0188) + Polyester (RM0186)	GRS (GRS) GRS (No label)	
Dyed Fabrics (PC0025)	Woven Fabrics (PD0059)	Recycled Pre-Consumer Polyester (RM0188)	GRS (GRS)	
Dyed Fabrics (PC0025)	Woven Fabrics (PD0059)	Recycled Post-Consumer Polyester (RM0189)	GRS (GRS)	
Dyed Fabrics (PC0025)	Knitted Fabrics (PD0058)	Recycled Pre-Consumer Polyester (RM0188)	GRS (GRS)	
Dyed Fabrics (PC0025)	Knitted Fabrics (PD0058)	Recycled Post-Consumer Polyester (RM0189)	GRS (GRS)	

Note. *Quantification (percentages) of material composition is optional. [] Square brackets refer to certified components of a product.

CONTENT CLAIM STANDARD – VOLUME RECONCILIATION

PURCHASE ORDER

TROUSERS

Colors :		ALL COLORS	Care instruction :	
Shell	3%	ELASTANE	Washing	 Washing, maximum temperature 30°C, normal process
	97%	POLYESTER	Bleaching	 Do not bleach
Second Material	7%	ELASTANE	Drying	 Tumble drying possible, drying at lower temperature
	93%	COTTON	Natural	 Not informed
			Ironing	 Iron at a maximum temperature 110°C
			Professional	 Professional dry-cleaning all solvents, gentle process

Quantity / Prices :

Main purchase price : 8,00 Currency : USD

Colo / Size	36	38	40	42	44	46	Total
REAL BLACK	38	46	45	38	29	31	227
Spec. price							
Total Quantity	38	46	45	38	29	31	227
Total Amount	304,00	368,00	360,00	304,00	232,00	248,00	1 816,00

CONTENT CLAIM STANDARD – VOLUME RECONCILIATION

TECHNICAL SHEET

3. 纱线排列 Bộ trí dùng sợi:								
纱线类型 Loại sợi	纱支 (规格) Chi số sợi(Quy Cách)	线长 Độ dài	色号 Mã màu	颜色 Màu sắc	供应商 Nhà cung ứng	批号 Số lô	成分% Thành phần%	纱支备注 Ghi chú
棉纱 bông (cotton)	21S	7.5		靛蓝 Chàm			60.8	
涤纶 poly (polyester)	75D (75D/72F)	12.5		白色 Trắng			28.54	再生涤 Sợi tái sinh
氨纶丝 tơ (spandex)	70D	5		白色 Trắng			10.66	
工序长 Trưởng công đoạn:		运转 Vận hành:			负责人 Người Phụ Trách:		张安全 Trương An Toàn	
机修 công nhân thiết bị:		工艺 Công Nghệ:			制单日期 Ngày tạo đơn:			

CONTENT CLAIM STANDARD – VOLUME RECONCILIATION

BOM – BILL OF MATERIAL

35	B-Giao nguy^n phỏ II O: nguy^n II O: giao 1.5%, phỏ II O: giao 2%.										0	0	
36											C@n @i		
38	TT	T^n nguy^n phỏ II O			S-n vP	ETA	MÇu s%ç	S/n l-ìng	\$Pnh mợc	Nhu cÇu	l-ìng giao		
40	1	VAI CHINH A	1NC CY3638	áo ngoài	m	6-May	navy	751	2.575	1,933.83	1,943.49	1,960	
41						6-May	army	736	2.575	1,895.20	1,904.68	1,920	
42	2	Vải lót	CY4259			6-May	navy	751	1.861	1,397.24	1,404.22	1,416	
43						6-May	army	736	1.861	1,369.33	1,376.17	1,387	
44	3	vải chính A	CY 4477	áo trong		6-May	navy	751	1.698	1,275.20	1,281.57	1,292	
45						6-May	army	736	1.698	1,249.73	1,255.98	1,266	
46	4	Vải lót	CY 4477			6-May	140blue jean	751	1.839	1,381.09	1,387.99	1,400	
47						6-May	250 lichen green	736	1.839	1,353.50	1,360.27	1,371	
48	5	Dựng				in house		1,487	0.915	1,360.61	1,367.41		
49	6	Kẹp tăng	TF14447			8-Apr	white	1,487	3.453	5,134.61	5,160.28	5,160	
50	7	Lông vũ	90/10		kg	11-Apr		227	0.167	37.91	37.91		
51								255	0.174	44.37	44.37		
52								376	0.180	67.68	67.68		
53								376	0.194	72.94	72.94		
54								253	0.204	51.61	51.61		
55	8	khóa nẹp	5NY2OENPTM	áo ngoài	68.5	in house	navy	114	1	114.00	114.57	115	

CONTENT CLAIM STANDARD – VOLUME RECONCILIATION

VOLUME RECONCILIATION

Input Information													
Certification Type of Input Material	TC No. of Recycled Input Material	Name of Supplier	Name and Specification of Input Material	Input Material Recycled Content (%)		Purchased Amount (kg)	Stock Amount (kg)	Input Amount (kg)	Remaining Stock Amount (kg)	Name of Final Product	Sales Invoice Number of Final Product	Final Product Output Amount (kg)	Fir Acc
				Pre-consumer	Post-consumer								
GRS	CUC-02475934	Kunshan Cypress Textile Co.,Ltd.	100% Recycled preconsumer Polyamide (nylon) (RM0184)	100%		450,00	0	443,00	#VALUE!	Women's apparel (100% Recycled preconsumer Polyamide (nylon) (RM0184)	PHBFW23-1	1268.01	
									0				
									0				
									0				
									0				
									0				
									0				
									0				
									0				
									0				
Accessories	NA	Plastic Stopper Metal Snap Button Zipper Elastic Binding				80	0	80	-80				
Chemicals/Auxiliaries (Eg. Size paste,oil, etc)	NA								0				

CONTENT CLAIM STANDARD – VOLUME RECONCILIATION

VOLUME RECONCILIATION

No.	TC APPLICATION												
	FCR RECEIPT NO.	FRC DATE:	INVOICE #	INVOICE DATE	G.W.	N.W.	TRADE NAME / PRODUCT / ADDITIONAL INFORMATION (Product Description)	PO NO. :	PO DATE	ARTICLE #	SHIPPED QUANTITY (PCS/ PRS)	PRODUCT UNIT (PCS/ PRS/ CTSN)	OVERALL PRODUCT SUPPLEMENTARY WEIGHT
2.00	BKK31112452	17-Aug-2023	219/CA/23	15-Aug-2023	439.00	361.00	GIRLS	50208-P(B)	1-Jul-2023	2005/230/800	427.00	prs	70.64
3.00	BKK31112452	17-Aug-2023	219/CA/23	15-Aug-2023	4890.00	4201.00	GIRLS	50210-P/2	1-Jul-2023	2005/231/800	3546.00	prs	1789.72
4.00	BKK31112452	17-Aug-2023	219/CA/23	15-Aug-2023	4889.00	4200.00	GIRLS	50210-P/1	1-Jul-2023	2005/231/800	3546.00	prs	1788.72
5.00	BKK31112508	24-Aug-2023	232/CA/23	22-Aug-2023	1329.00	1182.00	GIRLS	54521-P/1(A)	1-Jul-2023	2104/230/700	1930.00	prs	151.99
6.00	BKK31112508	24-Aug-2023	232/CA/23	22-Aug-2023	227.00	202.00	GIRLS	54521-P/1(B)	1-Jul-2023	2104/230/700	330.00	prs	25.99
7.00	BKK31112508	24-Aug-2023	232/CA/23	22-Aug-2023	1931.00	1743.00	GIRLS	54522-P/1	1-Jul-2023	2104/231/700	2157.00	prs	169.86
8.00	BKK31112508	24-Aug-2023	232/CA/23	22-Aug-2023	5022.00	4533.00	GIRLS	54522-P/4	1-Jul-2023	2104/231/700	5610.00	prs	441.79
9.00	BKK31112508	24-Aug-2023	232/CA/23	22-Aug-2023	2344.00	2095.00	GIRLS	56696-P	1-Jul-2023	2106/230/002	2024.00	prs	159.39
10.00	BKK31112508	24-Aug-2023	232/CA/23	22-Aug-2023	357.00	310.00	GIRLS	49585-P	1-Jul-2023	2119/230/802	462.00	prs	136.75
11.00	BKK31112508	24-Aug-2023	232/CA/23	22-Aug-2023	1800.00	1626.00	GIRLS	54188-P/2(B)	1-Jul-2023	2121/232/800	2050.00	prs	166.61

CONTENT CLAIM STANDARD – VOLUME RECONCILIATION

STOCK CONTROL

COMPONENT 1 (SOLE)							COMPONENT 2 (LINING)						
TCI INPUT #	TCI #	GEOGRAPHIC ORIGIN	TC INPUT QUANTITY	CONVERSION FACTOR	USED	STOCK	TCI INPUT #	TCI #	GEOGRAPHIC ORIGIN	TC INPUT QUANTITY	CONVERSION FACTOR	USED	STOCK
USB-GRS-335218	TCI-0000465	Hunan Guangdong	39223.41	1.00	1142.40	38081.01					0.80	0.00	
USB-GRS-335218	TCI-0000465	Hunan Guangdong	38081.01	1.00	290.36	37790.65							
USB-GRS-335218	TCI-0000465	Hunan Guangdong	37790.65	1.00	2411.28	35379.37							
USB-GRS-335218	TCI-0000465	Hunan Guangdong	35379.37	1.00	2411.28	32968.09							
USB-GRS-342909	TCI-0000475	Hunan Guangdong	88196.53	1.00	955.35	87241.18	CUC-02664512	TCI-0000491	TCI-0000491	2210.40	0.70	91.25	
USB-GRS-342909	TCI-0000475	Hunan Guangdong	87241.18	1.00	163.35	87077.83	CUC-02664512	TCI-0000491	TCI-0000491	2119.15	0.70	15.60	
USB-GRS-342909	TCI-0000475	Hunan Guangdong	87077.83	1.00	1067.72	86010.12	CUC-02664512	TCI-0000491	TCI-0000491	2103.55	0.70	101.98	
USB-GRS-342909	TCI-0000475	Hunan Guangdong	86010.12	1.00	2776.95	83233.17	CUC-02664512	TCI-0000491	TCI-0000491	2001.57	0.70	265.23	
USB-GRS-342909	TCI-0000475	Hunan Guangdong	83233.17	1.00	1052.48	82180.69							
USB-GRS-335218	TCI-0000465	Hunan Guangdong	32968.09	1.00	173.25	32794.84							
USB-GRS-342909	TCI-0000475	Hunan Guangdong	82180.69	1.00	1455.50	80725.19							

CONTENT CLAIM STANDARD – INPUT

10. Tổ chức phải duy trì danh sách đầy đủ các nhà cung cấp nguyên liệu được yêu cầu, bao gồm số giấy phép của từng nhà cung cấp.

Hướng dẫn: Tổ chức cần duy trì danh sách các liệu được tuyên bố từ các nhà cung cấp được chứng nhận. Ví dụ: nếu tổ chức sản xuất vải (dệt/dệt), đầu vào nguyên liệu từ nhà cung cấp được chứng nhận của họ thường là sợi.

Hồ sơ:

- Danh sách và chứng nhận phạm vi từ nhà cung cấp
- Hồ sơ kiểm đầu vào.
- Chứng nhận giao dịch đầu vào (Nếu có).
- Hồ sơ vận chuyển

Tên Nhà Cung Cấp	Địa Chỉ	Vật liệu	Số Chứng Nhận	Ngày Hiệu Lực	Số TC

CONTENT CLAIM STANDARD – HANDLING

Mục tiêu mong đợi: Tổ chức cần triển khai một hệ thống quản lý chuỗi hành trình đối với vật liệu thực tế, dựa trên việc phân tách và pha trộn có kiểm soát các vật liệu đó.

11. Tổ chức cần chứng minh khả năng kiểm soát dòng chảy, phân tách và nhận dạng của vật liệu được tuyên bố trong khuôn viên, bao gồm cả công thức sử dụng, thành phần vật liệu, chất lượng vật liệu và số lượng hàng tồn kho.



Nhận dạng sản phẩm

Sản phẩm được chứng nhận nhận được xác định chính xác.

Phần trăm vật liệu tuyên bố được xác định.



Tách biệt sản phẩm

Hàng hóa được chứng nhận không được để lẫn lộn với hàng hóa không được chứng nhận và cần phải tách biệt.



Đổi chiếu khối lượng

Tính toán đầu vào đầu ra và hao hụt thực tế trong qua trình sản xuất.

Đầu vào – Hao hụt = Đầu ra

CONTENT CLAIM STANDARD – BLENDING

Định nghĩa:

Blending: Quá trình kết hợp nhiều loại vật liệu khác nhau thành một sản phẩm duy nhất.³

Mixing: Quá trình kết hợp nhiều loại khác nhau của cùng một nguyên liệu thô thành một sản phẩm duy nhất (ví dụ: hai loại bông khác nhau).

Standard	Minimum % Claimed Material for Claim on Transaction Certificate	Label Grade	Minimum %	Blending Allowed?	Mixing Allowed?
OCS	5%	OCS 100	95%	Yes	No
		OCS Blended	5%		Yes
RCS		RCS 100	95%		No
RCS Blended		5%	Yes		
GRS		-	50%		Yes

CONTENT CLAIM STANDARD – SALE AND SHIPPING

12. Tổ chức cần đảm bảo các sản phẩm chứa vật liệu được tuyên bố chỉ được vận chuyển đến các đơn vị khác, bao gồm nhà bán buôn và nhà bán lẻ, bằng bao bì, thùng chứa hoặc phương tiện vận chuyển phù hợp được đóng/niêm phong theo cách không thể thay thế hoặc làm nhiễm bẩn vật liệu bên trong mà không có sự can thiệp hoặc làm hỏng bao bì.

Tất cả các lô hàng vật liệu được tuyên bố cần được dán nhãn nhận dạng có thể liên kết rõ ràng với hóa đơn hoặc chứng từ vận chuyển liên quan. Ngoài ra, thông tin này có thể được trình bày trên một tài liệu đi kèm, miễn là các tài liệu đó có thể liên kết không thể chối cãi với bao bì, thùng chứa hoặc phương tiện vận chuyển của vật liệu được tuyên bố.

Hồ sơ:

- Hồ sơ kiểm công, đóng gói
- Quy trình kiểm công phù hợp với tiêu chuẩn (Hàng hóa đảm bảo thông tin giống với thông tin khai báo sau sản xuất và bán hàng).
- Theo

NHỮNG YÊU CẦU ĐẶC BIỆT VỀ TÁI CHẾ



VẬT LIỆU TÁI CHẾ



METALS



GLASS



PLASTICS



ELECTRONICS



Recycled: Pleated

€ 79,99

Size: S

Off white

Search your size

Normal fit

ADD TO BAG

Quota fabric: 100% Polyester



đặt từ sợi lưới đánh cá cũ được các từ đồ sneaker sẵn đến năm 2017

RECYCLED MATERIAL VẬT LIỆU TÁI CHẾ



Các Định Nghĩa Về Tái Chế

Vật liệu thu hồi (Reclaimed material) : Là vật liệu đáng ra sẽ bị loại bỏ dưới dạng chất thải hoặc được dùng để thu hồi năng lượng nhưng thay vào đó được gom lại làm nguyên liệu đầu vào thay cho nguyên liệu chính cho quá trình tái chế.

Ví dụ. Chai nước qua sử dụng, Sợi phế liệu.....

Recycle Material (Vật liệu tái chế): Là vật liệu được xử lý lại từ vật liệu thu hồi bằng các quá trình sản xuất để tạo ra sản phẩm hoàn thiện hoặc bộ phận để kết hợp vào sản phẩm.

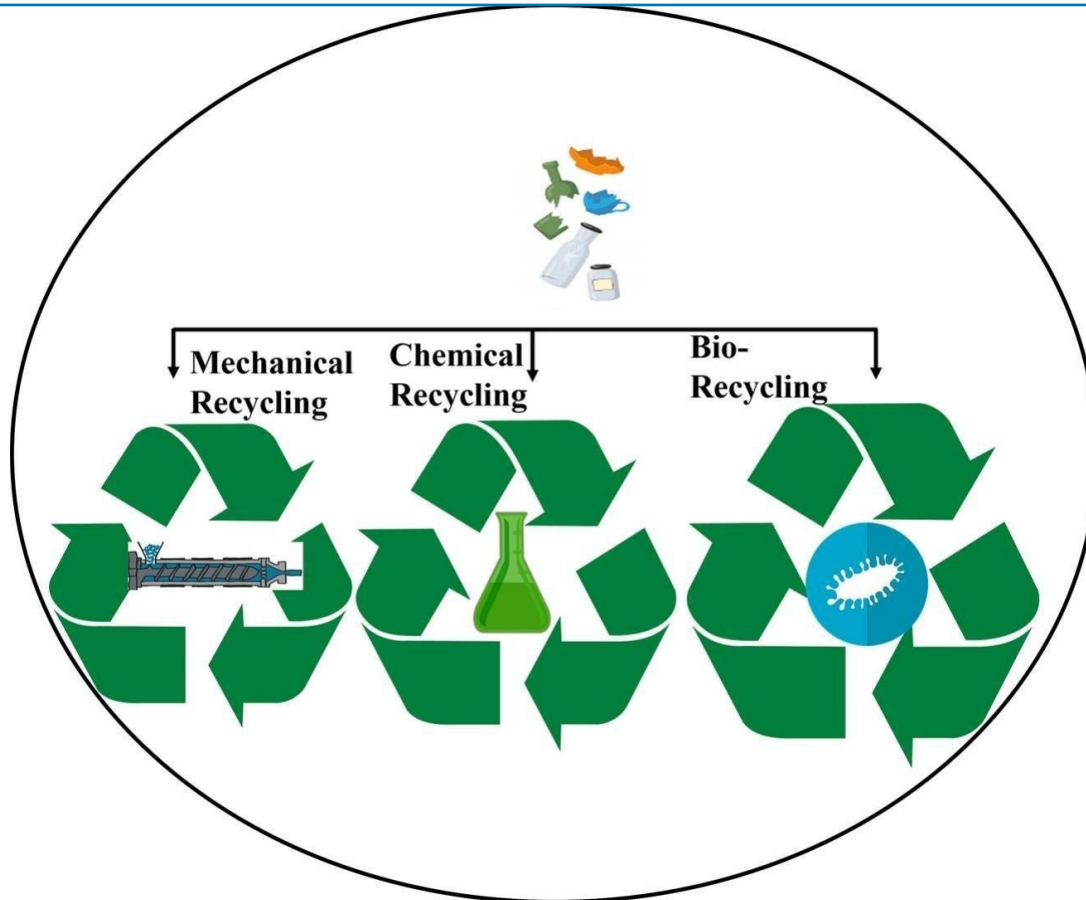
Ví dụ. Hạt nhựa tái chế

Vật liệu trước tiêu dùng (Pre-Consumer Material): Là vật liệu được chuyển từ dòng chảy chất thải trong quá trình sản xuất. Không bao gồm việc tái sử dụng các vật liệu như làm lại, nghiền lại hoặc phế liệu được tạo ra trong một quy trình có khả năng được thu hồi trong cùng một quy trình đã tạo ra nó.

Vật liệu tái sử dụng (Re-use): Sử dụng một sản phẩm ở dạng ban đầu hơn một lần. Một sản phẩm tái sử dụng không bị bỏ đi, tái sử dụng không nằm trong lựa chọn thu hồi. .

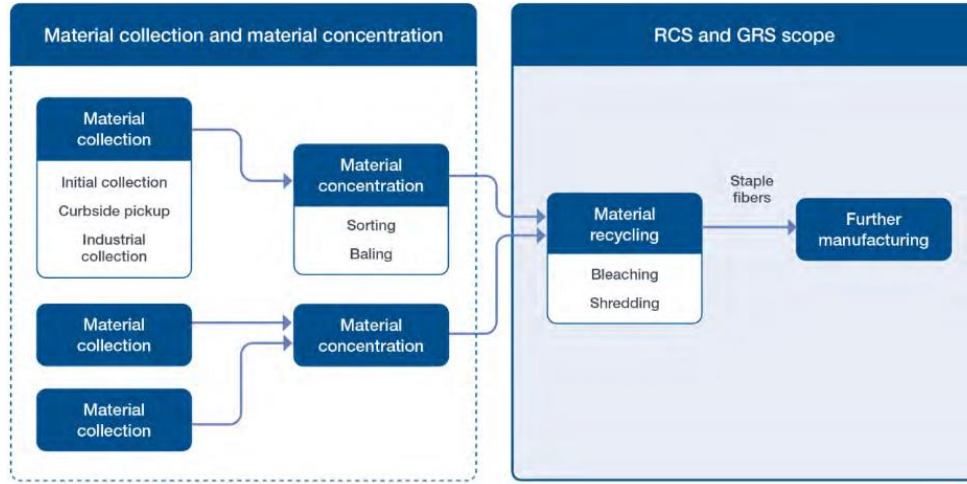
TÀI LIỆU VỀ TÁI CHẾ

GRS-202-V1.0-Textile-Exchange-Guide-to-Recycled-Inputs



Tái Chế Cơ Học Mechanical Recycling

Shredding/ Băm-xé nhỏ
Vật liệu sợi, vải

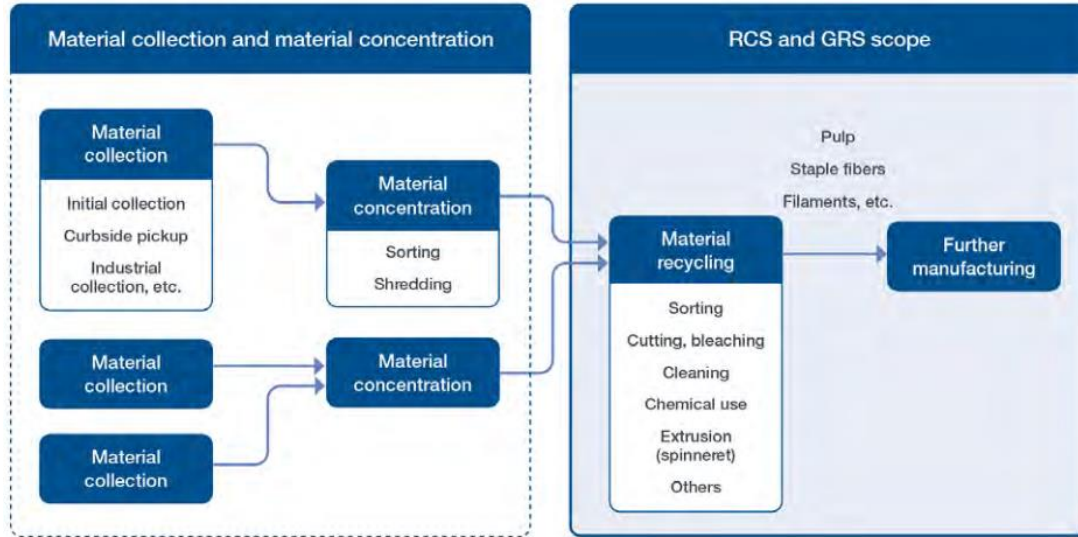


Sơ đồ này bao gồm quy trình của cả sợi động vật, sợi thực vật và sợi xenlulo (MMCF), cũng như quá trình tái chế sợi tổng hợp.



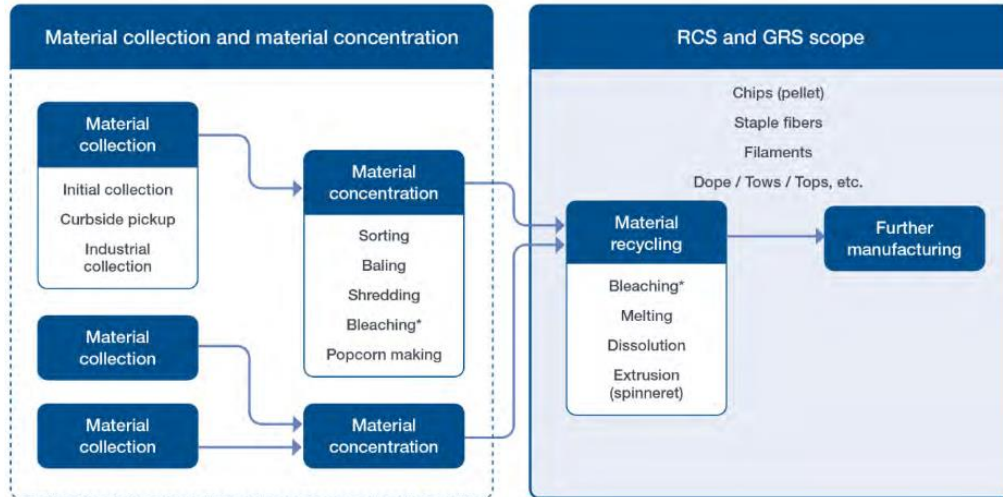
Pulp making – Làm bột

Vật liệu cellulose



Một nguồn tái chế khác là biến vật liệu xenlulo thành bột và sau đó là sợi. Nguyên liệu đầu vào là phế liệu dệt từ nguyên liệu có nguồn gốc thực vật (ví dụ: bông, vải xenlulo nhân tạo). Và chất thải từ sản xuất nông nghiệp. Sản phẩm đầu ra ban đầu là bột, sợi filament hoặc xơ ngắn thuộc các loại sau: axetat, cupro (cuprammonium rayon), rayon, viscose, lyocell, và nhiều loại khác.

Melting/dissolution – Nấu chảy/hòa tan Vật liệu polymer



Vật liệu được hình thành qua quá trình nóng chảy tạo hạt được tính là tái chế.

Material reformed into usable pellets can be considered recycle material.

ISO: 15270:2008 TCVN 8000:2008



Điểm Lưu Ý Về Vật Liệu Tái Chế Trước Tiêu Dùng

Dệt may (Textile)

1. Phế từ công đoạn sản xuất
2. Tồn kho.
V..V

Phi dệt may (Non - Textile)

Phế từ công đoạn sản xuất.. Ví dụ biên viền túi nilong, lông vũ

Không được chấp nhận là vật liệu thu hồi.

Phi dệt may (Non - Textile) : CB cần xin xác nhận từ Textile Exchange về vật liệu trước tiêu dùng.



**Textile
Exchange**

Các Yêu Cầu Của Vật Liệu Tái Chế

13. Xác minh rằng tất cả các nguồn cung cấp vật liệu thu hồi đều có thẩm quyền hợp pháp để hoạt động cho chức năng liên quan và giữ các bản sao của tài liệu liên quan. Phải có Thỏa Thuận Nhà Cung Cấp Vật Liệu Thu Hồi hợp lệ với tất cả các nhà cung cấp Vật liệu tái chế (các đơn vị tham gia Thu gom và/hoặc Tập trung Vật liệu). Thu thập và lưu giữ mẫu "Biểu mẫu Khai báo Vật liệu thu hồi" đã hoàn thành từ các nhà cung cấp của họ cho tất cả các Vật liệu thu hồi đầu vào. Biểu mẫu Khai báo Vật Liệu Thu Hồi cần được thu thập ít nhất một lần mỗi năm hoặc nếu nguồn Vật liệu tái chế thay đổi.

Hướng dẫn:

Trước buổi kiểm toán ban đầu, Nhà tái chế Vật liệu cần gửi danh sách tất cả các nguồn Vật liệu tái chế cho tổ chức chứng nhận (CB) của họ. Điều này cho phép CB có thời gian để xác minh thẩm quyền hợp pháp của các đơn vị tham gia Thu gom và phân loại vật liệu, cũng như đánh giá bất kỳ lĩnh vực rủi ro nào. Làm việc với các nhà cung cấp về Thỏa Thuận Nhà Cung Cấp Vật Liệu Thu Hồi và Mẫu Khai Báo Vật Liệu Thu Hồi.

Hồ sơ:

- Danh sách nhà cung cấp phế liệu đầu vào.
- Hóa đơn chứng từ mua bán hợp lệ.
- Hồ sơ năng lực của đơn vị cung cấp.



Reclaimed Material Supplier Agreement

This document acts as a guarantee that all of the materials listed below and being sold to [Certified Organization] are Reclaimed Materials* that would have otherwise gone into the waste stream. It is valid for one year, effective [Effective Date].

* see Appendix C of [GRS V4.0](#) or [RCS V2.0](#) for definitions

By signing this document, we give permission to [Certification Body] to visit our facility with a minimum notice of 3 days. The inspection will relate only to verification of our status as a legal organization and to confirm the description of materials as Recycled, including the designation of Pre- or Post-Consumer streams.

Signed by:

Title:

Email Address:

Phone:

On behalf of: [Company Name]

_____ (Signature)

_____ (Date)



Reclaimed Material Declaration Form

Seller:

Address of origin:

Address of destination:

Product Information:

Product*	Material	Source	Post-Consumer	Pre-Consumer
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>

* see Appendix C of [GRS V4.0](#) or [RCS V2.0](#) for definitions

Shipment information:

Minimum information:

- Units and names of the materials as they appear on the invoice
- Pre- or Post-Consumer
- Invoice number and date
- Reference to transport document (number, date, transport company, truck no, container no)

14. Các Nhà tái chế Vật liệu thu gom Vật liệu thu hồi từ quá trình chế biến của riêng họ cần lưu giữ các hồ sơ sau để xác minh khối

lượng tái chế:

Hồ sơ về tất cả các vật liệu đầu vào của quá trình tái chế.

Mô tả về Vật liệu thu hồi và giai đoạn phế liệu được thu gom.

Bất kỳ phiếu chuyển tiếp liên quan nào khác.

Biểu mẫu Khai báo Vật liệu thu hồi có thể được sử dụng thay cho các hồ sơ được liệt kê ở trên.

Hướng dẫn:

Do tự tái chế nguồn liệu nên có thể phát sinh nguy cơ lấy liệu nguyên sinh. Nên đơn vị đánh giá sẽ xác minh và cung cấp định mức tái chế.

Hồ sơ:

Hồ sơ khai báo nguồn liệu đem tái chế.
Hồ sơ chi tiết tính hao hụt trong sản xuất hàng nguyên sinh.

Chứng Nhận Giao Dịch.

Transaction Certificate (TC)

Transaction Certificate Number is No, version is Version No
for products certified to
tcStandard

1. Certification Body CB_name CB_address_line1 CB_address_line2 (if applicable) CB_address_line3 (if applicable) Town, Postcode State/province, Country/area Licensing Code of Certification Body (ICB/LicensingCode)	2. Seller of Certified Products sellerName sellerAddress1 sellerAddress2 (if applicable) sellerAddress3 (if applicable) sellerTown, sellerProvince sellerStateOrProvince (if applicable), sellerCountryOrArea Selling on behalf of (only if seller is main site) sellerCertifiedOrganizationName (only if seller is main site) IC Number, sellerICNo Textile Exchange ID (TE-ID): sellerTEID CB_registration Client No: sellerLicenseNo (optional) Non-certifier: Tractor: sellerNonCertifiedTractorName (if applicable) Tractor TE-ID: sellerNonCertifiedTractorTEID (if applicable)
3. Buyer of Certified Products buyerName buyerAddress1 buyerAddress2 (if applicable) buyerAddress3 (if applicable) buyerTown, buyerPostcode buyerStateOrProvince (if applicable), buyerCountryOrArea Buying on behalf of (only if buyer is main site) BuyerCertifiedOrganizationName (only if buyer is main site) TE-ID: buyerTEID (if applicable) Buyer's_CB_registration Client No: buyerLicenseNo (optional)	4. Gross Shipping Weight (Number format #,###.00) tcGrossShippingWeight kg 5. Net Shipping Weight tcNetShippingWeight kg 6. Certified Weight (tcStandard): tcCertifiedWeight kg (tcStandard): tcCertifiedWeight kg (if applicable)
7. Declarations by Certification Body This is to certify that, based on the relevant documentation provided by the seller named in Box 2 "Seller of Certified Products": i. the raw material(s) for the products as further detailed/indicated in Box 10 "Certified Products", Box 11 "Certified Raw Materials and Declared Components of Origin" and quantified in Box 4 "Gross Shipping Weight" and Box 5 "Net Shipping Weight" ("Certified Weight") have been produced in accordance with (and) organic farming standards) which is/are recognized by (only if not OCIS) the ICB/standard, and ii. the products in Box 10 "Certified Products" have been processed in accordance with the ICB/standard. Conformity with the standard is audited and monitored systematically under responsibility of the certification body named in Box 1. Certification of the organic material used for the products listed complies with USDA NOP rules: <input type="checkbox"/> Yes <input type="checkbox"/> No (specifying field ICB/USNOPComplianceField (only if not OCIS)) (relevant information for products marketed and sold in the US; obligatory information for any OCIS TC) (only if not OCIS) Additionally, certification of the organic material used for the products listed complies with: ICB/USDAFormalStandard (only if not OCIS) Certification of products included on the transaction certificate was done in accordance with the Current Chain Standard (CCS), which is owned by Textile Exchange. (only if not OCIS for a claim outside of Textile Exchange standard) This transaction certificate does not entitle the Buyer of the Certified Product to use the ICB/standard logo or make reference to the ICB/standard. The rules for the labeling of ICB/standard certified products are outlined in the Textile Exchange TE-011 Standard Chain Policy. (available on www.textileexchange.org) To authenticate this certificate, please visit www.textileexchange.org/certificates	
8. Certified Input References InputTCs: <input type="text"/> FarmICs: <input type="text"/> (only if not OCIS final processor or OCIS supply chain choosing to include) FarmTCs: <input type="text"/> (only if not OCIS final processor or OCIS supply chain choosing to include) TraderTCs for Organic Material: <input type="text"/> (only if not OCIS final processor or OCIS supply chain choosing to include) Place and Date of Issue (YYYY-MM-DD): <input type="text"/> Certification Body: <input type="text"/> Standard: <input type="text"/> Status: <input type="text"/> Last Updated: <input type="text"/> Signature of Authorized Person: <input type="text"/> Name of Authorized Signatory: <input type="text"/> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 5px; text-align: center;">Stamp of CB</div> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 5px; text-align: center;">Standard Logo(s)</div> </div>	

The electronically issued document is the valid original version. (Change text for translations)
Seller TE-ID: sellerTEID

Page 1 of 3

- Một giấy chứng nhận giao dịch trong Textile Exchange là một tài liệu cung cấp thông tin về sản xuất bền vững và có trách nhiệm của một sản phẩm dệt may.

- Nó là bằng chứng cho rằng sản phẩm đã được sản xuất tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững liên quan và đáp ứng một số tiêu chí môi trường và xã hội cụ thể. Giấy chứng nhận này được cấp bởi Textile Exchange, một tổ chức phi lợi nhuận toàn cầu làm việc để thúc đẩy các thực hành bền vững trong ngành dệt may.

- Giấy chứng nhận giao dịch thường được sử dụng bởi các công ty để chứng tỏ cam kết của họ với bền vững và cung cấp sự đảm bảo cho khách hàng của họ rằng họ đang mua các sản phẩm đã được sản xuất theo cách có trách nhiệm về môi trường và xã hội.

Chứng Nhận Giao Dịch.



Hóa Đơn



Cân bằng khối lượng



Hóa Đơn



Hồ sơ giao vận



Báo Cáo Test



Hồ sơ giao vận



TC đầu vào



Báo Cáo Tài Chính



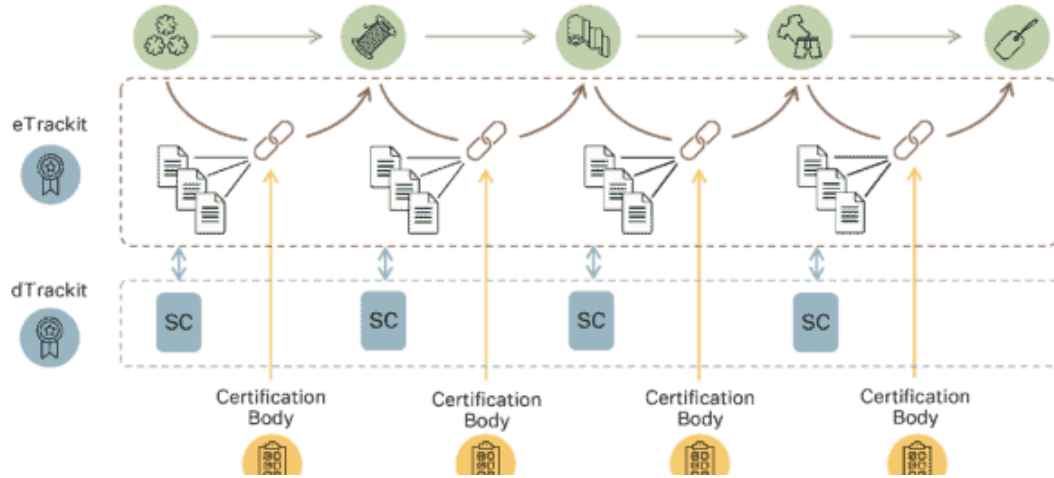
TC đầu ra

Xác Minh Đầu Vào

Xác Minh Tồn Kho và Giao Dịch

Xác Minh Đầu Ra

Hệ Thống Truy Xuất D'trackit và E'trackit



- eTrackit là hệ thống truy xuất nguồn gốc kỹ thuật số dành cho các nguyên liệu được chứng nhận, theo dõi khối lượng ở cấp độ sản phẩm riêng lẻ, cung cấp khả năng truy xuất nguồn gốc chi tiết
- Được thiết kế để tăng hiệu quả trong toàn bộ chuỗi cung ứng, eTrackit hoạt động bằng cách theo dõi điện tử các vật liệu được chứng nhận cho mỗi lần chuyển đổi sản phẩm chính cũng như mỗi lần sản phẩm được giao dịch giữa người bán và người mua. Giao dịch điện tử thiết lập kế toán vật chất ở cấp độ sản phẩm trong suốt chuỗi cung ứng, được xác minh kép bằng xác thực ngang hàng và phê duyệt giao dịch của tổ chức chứng nhận bên thứ ba. Mỗi kg nguyên liệu được chứng nhận đều được truy xuất nguồn gốc, cung cấp khả năng hiển thị theo thời gian thực về việc chuyển hàng tồn kho được chứng nhận trong chuỗi cung ứng khép kín.

Hệ Thống Truy Xuất D'trackit và E'trackit

eTrakit là hệ thống truy xuất nguồn gốc kỹ thuật số dành cho các nguyên liệu được chứng nhận, theo dõi khối lượng ở cấp độ sản phẩm riêng lẻ.

Một hệ thống tiên tiến cung cấp khả năng truy xuất nguồn gốc chi tiết

Được thiết kế để tăng hiệu quả trong toàn bộ chuỗi cung ứng, eTrackit hoạt động bằng cách theo dõi điện tử các vật liệu được chứng nhận cho mỗi lần chuyển đổi sản phẩm chính cũng như mỗi lần sản phẩm được giao dịch giữa người bán và người mua. Giao dịch điện tử thiết lập dữ liệu vật liệu xác minh ở cấp độ sản phẩm trong suốt chuỗi cung ứng, được xác minh kép bằng xác thực ngang hàng và phê duyệt giao dịch của tổ chức chứng nhận bên thứ ba. Mỗi kg nguyên liệu được chứng nhận đều được truy xuất nguồn gốc, cung cấp khả năng hiển thị theo thời gian thực về việc chuyển hàng tồn kho được chứng nhận trong chuỗi cung ứng khép kín.

Giá trị của hệ thống e'trackit

E-transaction: được tạo và truyền từ đơn vị này qua đơn vị khác trong eTrackit, một hệ thống truy cập chung do các tổ chức chứng nhận chia sẻ để xác minh. Giao dịch điện tử sử dụng mã thông báo kỹ thuật số để phản ánh luồng hàng hóa vật lý. Vì tất cả các bên đều tồn tại trong eTrackit, khối lượng được chứng nhận sẽ được chuyển giao, được tổ chức chứng nhận xác minh và được xác nhận ngang hàng trong một hệ thống vòng kín. Mặc dù biên lai giao dịch điện tử có thể được phát hành dưới dạng bản sao giấy từ eTrackit, nhưng giao dịch điện tử luôn phải được xác thực với eTrackit là nguồn xác thực.

Bảy thương hiệu toàn cầu, bao gồm Bestseller, H&M Group, Inditex, tentree và VF Corporation, sẽ thí điểm hệ thống truy xuất nguồn gốc cải tiến này đối với các nguyên liệu được chứng nhận GRS và RCS trong chuỗi cung ứng của họ

Nguồn: <https://textilegenesis.com/>

Yêu Cầu Trách Nhiệm Xã Hội

Đảm bảo tính tuân thủ theo luật lao động quốc tế, luật lao động quốc gia.

Hồ sơ yêu cầu:

Tuân thủ pháp luật.

- Nội quy lao động: 9 nội dung bắt buộc phải có theo điều 118 bộ Luật Lao động 2019
- Thang bảng lương:

Công đoàn – Đủ điều kiện thành lập công đoàn theo khoản 1 điều 16 Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

- Thỏa ước lao động tập thể & Chính sách tự do hiệp hội
- Quyết định thành lập công đoàn.
- Biên bản hội nghị người lao động.

Chính sách không phân biệt đối xử, lao động cưỡng bức, lao động trẻ em,

- Các chính sách.
- Quy trình tuyển dụng
- Quy trình nâng bậc, tăng lương.
- Hồ sơ lao động.....



Yêu Cầu Trách Nhiệm Xã Hội

Tiền lương.

- Chính sách lương, quy chế lương.
- Ủy nhiệm chi thanh toán BHXH.
- Thang bảng lương.
- Thanh toán phép năm



Giờ làm việc

- Bảng chấm công 12 tháng gần nhất.
- Phiếu đăng ký tăng ca tự nguyện.



Yêu Cầu Trách Nhiệm Xã Hội

Môi trường làm việc - an toàn lao động.

- Hồ sơ huấn luyện an toàn vệ sinh lao động.
- Huấn luyện nghiệp vụ PCCC, Phương án PCCC
- Thẩm duyệt và nghiệm thu hệ thống PCCC.
- Kiểm tra định kỳ hệ thống PCCC.
- Quy định cấp phát bảo hộ lao động.
- Bằng cấp nhân viên y tế.
- Hồ sơ huấn luyện sơ cấp cứu,
- Đánh giá rủi ro an toàn lao động.
- Hồ sơ khám sức khỏe.
- Kết quả test nước uống/ hồ sơ thay lõi lọc nước, mẫu thức ăn, chứng nhận ATVSTP bếp ăn..
- Hồ sơ khám sức khỏe công nhân



Yêu Cầu Về Hệ Thống Môi Trường

Các tổ chức được chứng nhận phải có sẵn hệ thống quản lý môi trường (EMS). Hệ thống quản lý môi trường phải bao gồm các nội dung sau:

Hướng dẫn sử dụng EMS.

- Một nhân viên EMS được chỉ định (từ cấp quản lý) chịu trách nhiệm thực hiện; không nhất thiết phải dành toàn bộ vị trí để quản lý hệ thống quản lý môi trường tại cơ sở mà thay vào đó, một người nào đó đã được giao vai trò như một phần trách nhiệm công việc của họ.
- Cơ chế duy trì cập nhật các yêu cầu pháp lý hiện hành của địa phương.
- Các biện pháp kiểm soát quản lý cơ bản hiện có: một hệ thống ghi lại, đo lường và theo dõi các chỉ số môi trường liên quan
- Kế hoạch hàng năm nhằm mục tiêu và đạt được những cải thiện môi trường có ý nghĩa trên tất cả các chỉ số
- Quy trình và hồ sơ đào tạo nhân viên liên quan về vấn đề môi trường



Yêu Cầu Về Hệ Thống Môi Trường

- Tổ chức được chứng nhận phải nộp một tài liệu có chữ ký xác nhận cam kết của họ tuân thủ các Yêu cầu Môi trường GRS.
- Tổ chức được chứng nhận phải giám sát và đáp ứng tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến việc sử dụng năng lượng, nước.
- Phải có việc theo dõi và lưu giữ hồ sơ về mức tiêu thụ năng lượng/ nước hàng tháng.
- Tổ chức được Chứng nhận phải đặt ra và đáp ứng các mục tiêu về cải tiến có ý nghĩa trong việc sử dụng nước/ năng lượng và xem xét tiến độ hàng năm.



Yêu Cầu Về Hệ Thống Môi Trường

- Đánh giá tác động môi trường
- Giấy phép môi trường.
- Hồ sơ thay gas máy lạnh
- Hồ sơ test nước thải công nghiệp, khí thải hàng quý
- Hợp đồng thu gom rác.
- Quy trình phân loại rác thải, hồ sơ đào tạo.
- Quy trình chống chôn lấp và đốt rác thải tại chỗ.



Yêu Cầu Về Hóa Chất

Tổ chức được chứng nhận phải có Hệ thống quản lý hóa chất (CMS) bao gồm:

- Cơ chế giám sát và đáp ứng mọi yêu cầu pháp lý liên quan liên quan đến quản lý hóa chất.
- Một nhân viên phụ trách về quản lý hóa chất.
- Các quy trình và hồ sơ đào tạo nhân viên liên quan về quản lý hóa chất và khi cần thiết, đào tạo để quản lý CMS đúng cách.
- Thông tin đầy đủ về tất cả các nhà cung cấp đầu vào, bao gồm địa chỉ và địa chỉ liên hệ chính.
- Danh sách chính xác tất cả hóa chất đầu vào được sử dụng trong tất cả các sản phẩm; mỗi đầu vào phải có một Bảng dữ liệu an toàn (SDS) hoàn chỉnh có sẵn bằng (các) ngôn ngữ được người lao động sử dụng trong cơ sở và bằng tiếng Anh. Thông tin sẽ có sẵn trong tối thiểu 5 năm. Nhà cung cấp hóa chất phải chịu trách nhiệm về bản dịch tiếng Anh của SDS.



Material
Safety
Data
Sheets

Yêu Cầu Về Hóa Chất

GRS giải quyết vấn đề hóa chất đầu vào chỉ được sử dụng trong quá trình sản xuất sản phẩm GRS, không dành cho sản phẩm cuối cùng

- Danh sách toán bộ hóa chất sử dụng cho sản phẩm GRS.
- Đánh giá rủi ro hóa chất

Các Tổ chức được chứng nhận phải lưu giữ Bảng Dữ liệu An toàn (SDS) cho từng chất (hoặc hỗn hợp) được sử dụng trong sản xuất Sản phẩm GRS. SDS phải có thời hạn dưới ba năm và phải đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí sau:

1. ANSI Z400.1-2004, xác định thông tin phải được đưa vào để tuân thủ Tiêu chuẩn Truyền thông Nguy hiểm OSHA của Hoa Kỳ
2. Quy định (EC) số 1907/2006 (REACH), được điều chỉnh để tính đến các quy tắc về bảng dữ liệu an toàn của Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) và việc triển khai các yếu tố khác của GHS vào luật pháp EU được giới thiệu bởi Quy định (EC) số 1272/2008 (CLP)
3. Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS).

	O _a	-	-	-	-	-	-	-	-	+	-	-	-
	-	+	-	-	-	-	-	-	-	-	+	-	-
	-	-	+	O _d	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	O _d	O _b	O _d	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	O _d	O _c	O _e	O _e	O _e	O _e	O _e	O _e	O _e	O _e
	-	-	-	-	O _e	+	+	+	+	+	+	+	+
	+	+	-	-	O _a	+	+	+	+	+	+	+	+
	-	-	-	-	O _e	+	+	+	+	+	+	+	+
	-	-	-	-	O _a	+	+	+	+	+	+	+	+

Các Chất Hóa Học Bị Hạn Chế Trong GRS

Yêu cầu của GRS về sử dụng hoá chất để sản xuất sản phẩm được chứng nhận được dựa trên các yêu cầu chính sau:

1. Loại trừ các chất vốn có vấn đề được REACH phân loại là nguy hiểm đối với sức khỏe con người và/hoặc môi trường.
2. Loại trừ các chất và hỗn hợp được phân loại bằng mã nguy hiểm hoặc cụm từ rủi ro cụ thể.
3. Loại trừ các chất không tuân thủ Danh sách chất bị hạn chế của nhà sản xuất ZDHC.

Bất kỳ hóa chất nào được sử dụng trong quá trình xử lý Sản phẩm GRS đều không được chứa các Chất có mối lo ngại rất cao (SVHC) như được đề cập trong Điều 57 của Quy định Châu Âu (EC) số 1907/2006 liên quan đến việc Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất (REACH), và được đưa vào Phụ lục XIV của Quy chế.

https://www.chemsafetypro.com/Topics/EU/REACH_SVHC_Finder.html



DISCLAIMER/Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) acknowledges the contribution of external experts to the **Waste No More** activity coordinated by GIZ in Viet Nam.

All opinions and claims expressed by external experts are solely his/her current opinions and claims and do not reflect the opinions and claims made by GIZ.

Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) xin cảm ơn sự đóng góp của các chuyên gia tham gia đối với hoạt động **Waste No More** do GIZ Viet Nam phối hợp tổ chức.

Mọi ý kiến và tuyên bố do các chuyên gia đưa ra là ý kiến và tuyên bố hiện tại của riêng các chuyên gia và không phản ánh ý kiến hay tuyên bố nào của GIZ.